

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU ẢNH HƯỞNG CỦA THỜI ĐIỂM NHIỄM BỆNH VIRUS VÀNG LÙN VÀ LÙN XOẮN LÁ TỚI SINH TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CÂY LÚA TRONG ĐIỀU KIỆN NHÀ LƯỚI

Nguyễn Như Cường, Đặng Thị Lan Anh và Phạm Văn Sơn

SUMMARY

The effect of time infection rice virus diseases (Rice grassy stunt virus and rice ragged stunt virus) on the growth of rice in green house

The growth of the rice plant following infection is greatly arrested, the diseases plant becomes markedly stunt. While numerous diminutive tillers develop producing a rosette appearance. The infected plants usually live until maturity (if rice plants infected after 10 DAS) but they produce no panicles or a few, small panicles which bear dark brown and unfilled grain when infected occurs at early stages of plant growth.

The growth reduction is determined by plant age time of infection, the reduce of height of IR4625 is 63% (RGSV) or 35% (RRSV) when inoculated at 15 DAS at 40 DAS is 17,73% (RGSV) or 4,83% (RRSV)

Keywords: Rice grassy stunt virus, rice ragged stunt virus, time infection, growth plant

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Việc nghiên cứu ảnh hưởng của một số bệnh virus lá hại lúa đến sinh trưởng và phát triển của cây lúa ở giai đoạn phát triển sinh dưỡng cũng như sinh thực đã được một số tác giả trong và ngoài nước nghiên cứu. Trên giống IR8, virus gây bệnh vàng lùn hại lúa (Rice grassy stunt virus) làm giảm chiều cao cây lúa, mức độ giảm tùy thuộc vào giai đoạn cây lúa bị nhiễm bệnh, chiều cao giảm đến 55% chiều cao cây khi cây lúa bị nhiễm bệnh ở 15 ngày tuổi, 43% khi cây lúa nhiễm ở 30 ngày tuổi, và 10% khi cây lúa nhiễm ở 60 ngày tuổi và chỉ giảm 1% khi cây lúa nhiễm ở giai đoạn 70 ngày tuổi. Trong khi, đó với giống TN1 chiều cao cây bị giảm 64% khi nhiễm ở giai đoạn 15 ngày tuổi, 59% khi bị nhiễm ở 30 ngày tuổi, 14 % khi cây lúa nhiễm bệnh ở 45 ngày tuổi và 2% ở 60 ngày tuổi (Palomar và Ling, 1968). Theo H.M. Trung (1982) bệnh lùn xoắn lá (Rice ragged stunt virus) khi cây lúa bị nhiễm bệnh thường bị giảm chiều cao, chiều dài và rộng lá, cây lúa thường trở muộn và trở không thoát, bông ngắn, tỷ lệ lép cao cụ thể là trên giống IR 28 khi cây bệnh biểu hiện triệu chứng ở giai đoạn đứng cái chiều cao cây bệnh chỉ đạt

61% so với cây lúa khỏe, trong khi đó trên giống NN4A thì tỷ lệ tương ứng xấp xỉ 63%, trên giống IR 28 tỷ lệ lép trên cây bị bệnh là 18-84 % tùy vào giai đoạn nhiễm bệnh trong khi đó cây lúa khỏe tỷ lệ lép là 12%.

Việc xác định ảnh hưởng của bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá tới sinh trưởng và phát triển của cây lúa cũng như xác định giai đoạn mầm cả của cây lúa với bệnh có một ý nghĩa quan trọng trong việc đề xuất các giải pháp phòng trừ bệnh một cách hữu hiệu. Từ mục đích trên chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của bệnh tới sinh trưởng và phát triển của cây lúa, xác định giai đoạn mầm cả của cây lúa với bệnh để làm cơ sở cho việc đề xuất các biện pháp phòng chống bệnh.

II. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Vật liệu nghiên cứu

- Giống lúa IR 4625, đây là giống nhiễm nhẹ với rầy nâu và được trồng phổ biến tại các vùng trồng lúa tỉnh Long An
- Nguồn rầy nâu nhiễm virus RRSV, RGSV
- Nguồn rầy nâu khỏe không nhiễm virus RRSV và RGSV

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Nghiên cứu sự ảnh hưởng của bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá tới trường cây lúa

- Công thức thí nghiệm:
Cây lúa nhiễm bệnh ở các tuổi: 5, 7, 10, 15, 20, 25, 30, 35, và 40 ngày sau sạ.
- Nhiễm bệnh cho cây lúa thí nghiệm:
Tiến hành lây bệnh nhân tạo cá thể: 1 rầy/cây lúa, cây lúa được chụp trong các lồng lưới cách ly.
- Rầy thí nghiệm: rầy trưởng thành, thời gian rầy tiếp xúc với cây lúa: 24 giờ
- Số cây lúa ở mỗi công thức: 30 cây
- Nguồn rầy bệnh: Rầy được nuôi và duy trì từ các nguồn lưu giữ bệnh vàng lùn hoặc lùn xoắn lá tại nhà lưới của trạm nghiên cứu ấp 4 xã Mỹ Phú, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An
- Chỉ tiêu theo dõi:
+ Thời gian biểu hiện bệnh (ngày), chiều cao cây ở mỗi công thức (cm), thời gian bắt đầu đẻ nhánh(ngày), chiều dài, rộng lá (cm)

2.2. Nghiên cứu xác định thời gian miễn cảm với cây lúa với bệnh vàng lùn và lùn xoắn lá

- Công thức thí nghiệm: Cây lúa nhiễm bệnh ở các tuổi: 5, 7, 10, 15, 20, 25, 30, 35, và 40 ngày sau sạ.
- Nhiễm bệnh cho cây lúa thí nghiệm:
Tiến hành lây bệnh nhân tạo cá thể: 1 rầy/cây lúa, cây lúa được chụp trong các lồng lưới cách ly; thời gian rầy tiếp xúc với cây lúa: 24 giờ
- Rầy thí nghiệm: rầy trưởng thành
- Số cây lúa ở mỗi công thức: 30 cây
- Nguồn rầy bệnh: Rầy được nuôi và duy trì từ các nguồn lưu giữ bệnh vàng lùn hoặc lùn xoắn lá tại nhà lưới của trạm nghiên cứu ấp 4 xã Mỹ Phú, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An
- Chỉ tiêu theo dõi:
Tỷ lệ số cây sống/ chết (%); chiều cao cây ở mỗi công thức; tỷ lệ cây trỗ không thoát/thoát (%); dài bông (cm); số hạt/bông (hạt); tỷ lệ hạt lép (%)
- Địa điểm nghiên cứu: Nhà lưới tại ấp 4, xã Mỹ Phú, Thủ Thừa, Long An
- Thời gian: 2007 - 2009

III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

1. Kết quả nghiên cứu ảnh hưởng của bệnh VL, LXL tới sinh trưởng và phát triển của cây lúa

1.1. Ảnh hưởng của bệnh vàng lùn đến sinh trưởng, phát triển của cây lúa

Bảng 1. Ảnh hưởng của bệnh vàng lùn tới một số chỉ tiêu sinh trưởng của cây lúa (Thí nghiệm trong nhà lưới Thủ Thừa - Long An -2008)

Thời điểm nhiễm bệnh (NSS)	Thời gian ủ bệnh (ngày)	Chiều cao cây		Dài lá		Rộng lá		Ngày đẻ nhánh (NSS)
		Cao cây (cm)	% so với đối chứng	Dài lá (cm)	% so với đối chứng	Rộng lá (cm)	% so với đối chứng	
5	9,4	13,8	16,65	13,7	32,78	0,38	30,77	11,20
7	9,8	14,3	17,25	9,4	22,49	0,24	19,43	11,40
10	10,8	24,4	29,43	12,2	29,19	0,34	27,53	19,00
15	13,6	30,7	37,03	17,2	41,15	0,52	42,11	23,20
20	20,6	50,2	60,55	29,0	69,38	0,84	68,02	25,60
25	21,6	62,2	75,03	36,8	88,04	1,12	90,69	28,40
30	24,2	62	74,79	33,7	80,62	1,02	82,59	27,60
35	25,2	64,9	78,29	37,8	90,43	1,16	93,93	27,40
40	33,2	68,2	82,27	38,2	91,38	1,17	94,35	28,40
Đối chứng	-	82,9	-	41,8	100	1,24	-	25,50

Ghi chú: - NSS: ngày sau sạ
- Giống thí nghiệm IR 4625

Thời gian ủ bệnh của cây lúa phụ thuộc vào tuổi cây lúa bị nhiễm bệnh, cây lúa càng non càng có thời gian ủ bệnh ngắn và ngược lại, cây lúa nhiễm bệnh vào 5 ngày sau sạ có thời gian ủ bệnh trung bình là 9,4 ngày, cây lúa 15 ngày sau sạ bị nhiễm bệnh thì thời gian ủ bệnh trung bình là 13,6 ngày trong khi đó cây lúa nhiễm bệnh ở 35 ngày sau sạ thì có thời gian ủ bệnh trung bình là 25,2 ngày.

Cây lúa bị nhiễm bệnh ở giai đoạn 5 ngày sau sạ thì chiều cao cây chỉ đạt 16,65 % so với đối chứng, các chỉ tiêu dài, rộng lá cũng rất thấp so với đối chứng tương ứng là 32,78 % và 30,77%, cây lúa bị nhiễm bệnh ở 15 ngày sau sạ thì ảnh hưởng của bệnh tới các chỉ tiêu sinh trưởng, phát triển có nhẹ hơn so với nhiễm bệnh ở 5 ngày sau sạ, nhưng mức độ ảnh hưởng vẫn rất rõ ràng, chiều cao cây đạt 37,03 %, chiều dài lá là 41,15 % và chiều rộng lá 42,11 % so với đối chứng. Cây lúa 35 ngày sau sạ bị nhiễm bệnh thì các chỉ tiêu sinh trưởng và phát triển vẫn bị ảnh hưởng rõ rệt với các chỉ tiêu cao cây độ dài và rộng lá so với đối chứng là 78,29%, 90,43% và 93,93%. Trong khi đó cây lúa bị nhiễm bệnh ở tuổi lúa là 40 ngày sau sạ mức độ ảnh hưởng của bệnh tới một số chỉ tiêu sinh trưởng của cây lúa là khá nhỏ cụ thể là chiều cao cây lúa đạt 82,27% so với đối chứng, chiều dài lá và rộng lá cũng tương ứng đạt 91,38% và 94,35%.

Tuy nhiên, khi cây lúa bị nhiễm bệnh càng non thì thời điểm bắt đầu đẻ nhánh của chúng sớm hơn so với đối chứng cụ thể là khi nhiễm bệnh ở 5 ngày sau sạ là 11,02 ngày, nhiễm bệnh ở 15 ngày sau sạ là 23,2 ngày trong đó ở công thức đối chứng thời gian bắt đầu đẻ nhánh là 25,5 ngày; trong đó nếu nhiễm bệnh ở giai đoạn muộn hơn thì thời gian bắt đầu đẻ nhánh lại muộn hơn so với đối chứng (bảng 1).

1.2. Ảnh hưởng của bệnh lùn xoắn lá đến sinh trưởng, phát triển của cây lúa

Thời gian ủ bệnh của cây lúa nhiễm bệnh lùn xoắn lá tùy thuộc thời điểm cây lúa nhiễm bệnh cây lúa nhiễm bệnh ở 5 ngày sau sạ có thời gian ủ bệnh trung bình là 8,9 ngày, cây lúa bị nhiễm ở 15 ngày sau sạ có thời gian ủ bệnh là 12,9 ngày trong đó nếu nhiễm bệnh ở 35 ngày sau sạ thời gian ủ bệnh là 26,3 ngày.

Cây lúa bị nhiễm bệnh sau 5 ngày sạ có chiều cao cây, dài và rộng lá là: 55,25%, 36,57% và 43,75%; trong khi đó cây lúa bị nhiễm bệnh ở 15 ngày sau sạ các chỉ tiêu trên tương ứng là 65,02%, 59,62% và 73,43 % và cây lúa bị nhiễm bệnh ở 35 ngày sau sạ các chỉ tiêu sinh trưởng như chiều cao cây, dài và rộng lá vẫn bị ảnh hưởng, nhưng mức độ ảnh hưởng khá nhẹ cụ thể là các chỉ tiêu này là 92,28 %, 79,62 % và 96,87% so với đối chứng (bảng 2)

Bảng 2. Ảnh hưởng của bệnh lùn xoắn lá tới một số chỉ tiêu sinh trưởng của cây lúa (Thí nghiệm trong nhà lưới Thủ Thừa - Long An -2008)

Thời điểm nhiễm bệnh (NSS)	Thời gian ủ bệnh (ngày)	Chiều cao cây		Dài lá		Rộng lá		Ngày đẻ nhánh (NSS)
		Cao cây (cm)	% so với đối chứng	Dài lá	% so với đối chứng	Rộng lá (cm)	% so với đối chứng	
5	8,9	45,80	55,25	19,20	36,57	0,56	43,75	13,00
7	9,4	57,40	69,24	25,60	48,76	0,78	60,94	14,80
10	10,3	51,30	61,88	31,80	60,57	1,10	85,93	16,80
15	12,9	53,90	65,02	31,30	59,62	1,11	73,43	18,80
20	19,8	57,80	69,72	36,80	70,09	1,14	89,06	20,10
25	22,3	58,30	70,33	37,20	70,86	1,16	90,62	21,00
30	24,4	65,10	78,53	36,40	69,33	1,21	94,53	20,40
35	26,3	76,50	92,28	41,80	79,62	1,24	96,87	21,20
40	32,9	78,91	95,17	44,20	84,19	1,24	96,87	23,40
Đối chứng	-	82,9	-	52,5	100	1,28	-	25,50

Ghi chú: - NSS: ngày sau sạ
- Giống thí nghiệm: IR 4625

Mặt khác, khi cây lúa bị nhiễm bệnh thời điểm 5,7,15 ngày sau sạ có thời điểm bắt đầu đẻ nhánh là khá sớm từ 13 đến 18,8 ngày sau sạ, ngược lại nếu nhiễm bệnh vào 20, 25, 30, 35 và 40 ngày sau sạ thì thời gian đẻ nhánh lại kéo dài hơn so với nhiễm bệnh ở các giai đoạn trước đó nhưng vẫn ngắn hơn so với đối chứng (bảng 2).

Bệnh vàng lùn hại lúa, bệnh lùn xoắn lá đã có ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của cây lúa, mức độ ảnh hưởng phụ thuộc vào thời điểm cây lúa nhiễm bệnh, tuy nhiên mức độ ảnh hưởng của bệnh lùn xoắn lá với sinh trưởng phát triển cây lúa ít hơn so với bệnh vàng lùn khi nhiễm bệnh ở cùng thời điểm sinh trưởng (bảng 1, 2)

2. Giai đoạn mầm cảm của cây lúa với bệnh vàng lùn và lùn xoắn lá

2.1. Giai đoạn mầm cảm của cây lúa với bệnh vàng lùn

Kết quả theo dõi thí nghiệm cho thấy cây lúa càng non mức độ mầm cảm với bệnh

càng lớn, ở 5 ngày sau sạ tất cả các cây có xuất hiện triệu chứng bệnh đều bị chết, hiện tượng cây nhiễm bệnh bị chết vẫn xuất hiện trên các công thức nhiễm bệnh muộn hơn, cây lúa bị nhiễm bệnh ở 10 và 15 ngày sau sạ với tỷ lệ tương ứng là 26,7 và 6,7%. Cây bị nhiễm bệnh vào ngày 10 ngày sau sạ còn sống, cây phát triển rất kém và 100 % số cây không trở thoát. Cây bị nhiễm bệnh càng muộn thì mức độ ảnh hưởng càng ít cụ thể là nếu cây bị nhiễm bệnh ở 15 ngày sau sạ thì số bông trở thoát 31,4 %, số hạt trên bông chỉ đạt trung bình là 40,7 hạt/bông và tỷ lệ lép là 27,8 % trong khi đó nếu cây bị nhiễm bệnh ở 30 ngày sau sạ thì tỷ lệ trở thoát là 100%, số hạt trên bông là 82,8 hạt và số hạt lép chỉ là 9,3%; cây lúa rất miễn cảm với bệnh vàng lùn từ khi sạ đến 15 ngày sau sạ, mức độ miễn cảm giảm dần khi cây lúa ở các độ tuổi lớn hơn và khá an toàn với bệnh khi bị nhiễm ở 40 ngày sau sạ (xem bảng 3)

Bảng 3. Kết quả nghiên cứu xác định giai đoạn mầm cảm của cây lúa với bệnh vàng lùn (Thí nghiệm trong nhà lưới tại Long An 2008-2009)

Thời điểm lây bệnh (NSS)	Tỷ lệ cây chết (%)	% bông bệnh không trở thoát	Số hạt/bông	Dài bông (cm)	Tỷ lệ lép (%)
5	100	-	-	-	-
10	26,7	100	-	-	-
15	6,7	68,6	40,7	16,8	27,8
20	0	34,5	65,2	18,1	17,9
25	0	11,2	78,5	19,3	9,6
30	0	0	82,8	20,5	9,3
35	0	0	85,3	20,9	8,9
40	0	0	87,1	21,1	8,5
Đ/c	0	0	87,3	21,4	7,2

Ghi chú: NSS: ngày sau sạ; Giống thí nghiệm: IR 4625

2.2. Giai đoạn mầm cảm của cây lúa với bệnh lùn xoắn lá

Kết quả theo dõi cho thấy khi cây lúa 5 ngày sau sạ bị nhiễm bệnh thì có 55,3% số cây có biểu hiện triệu chứng bệnh bị chết và tỷ lệ này là 11,9 % khi bị nhiễm bệnh ở giai

đoạn 10 ngày sau sạ và 0,6 % khi bị nhiễm bệnh ở giai đoạn 15 ngày sau sạ. Mặt khác, kết quả thí nghiệm cũng cho thấy nhiễm bệnh ở 5 ngày sau sạ 100 % số cây sống sót không trở được bông, nếu bị nhiễm ở 10 ngày sau sạ thì mức độ ảnh hưởng của bệnh

tới cây lúa cũng có giảm so với nhiễm ở 5 hoặc 10 ngày sau sạ, tỷ lệ trở bông thoát của những cây sống sót là 27,5% và tỷ lệ lép lên tới 21,5 % so với đối chứng. Trong khi đó cây lúa bị nhiễm bệnh ở 15 ngày sau sạ có tỷ lệ tương ứng là 43,3 % và 16,3 %;

Cây lúa rất mẫn cảm với bệnh lùn xoắn lá ở giai đoạn từ sạ đến 15 ngày sau sạ sau đó tính mẫn cảm giảm dần theo tuổi cây lúa, cây lúa gần như an toàn khi bị nhiễm bệnh ở 40 ngày sau sạ (bảng 4).

Bảng 4. Kết quả nghiên cứu xác định giai đoạn mẫn cảm của cây lúa với bệnh lùn xoắn lá (Thí nghiệm tại nhà lưới, Long An 2008-2009)

Thời điểm lây bệnh (NSS)	Tỷ lệ cây chết (%)	% bông bệnh không trở thoát	Số hạt/bông	Dài bông (cm)	Tỷ lệ lép (%)
5	56,7	100	-	-	-
10	13,3	72,5	35,3	13,1	21,5
15	3,3	56,7	51,2	15,9	16,3
20	0	9,8	76,7	18,5	12,4
25	0	2,1	81,6	19,8	9,5
30	0	0	85,2	20,3	9,1
35	0	0	85,8	20,7	8,7
40	0	0	87,1	21,4	8,2
Đ/c	0	0	87,3	21,4	7,2

Ghi chú: - NSS: ngày sau sạ; Giống thí nghiệm: IR4625

IV. KẾT LUẬN

- Bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá có ảnh hưởng đến các chỉ tiêu sinh trưởng và phát triển cây lúa như chiều cao cây, dài, rộng lá, thời gian đẻ nhánh mức độ ảnh hưởng càng lớn khi cây lúa bị nhiễm ở giai đoạn còn non và giảm dần khi cây lúa nhiễm bệnh ở các giai đoạn cây lúa già hơn, nếu cây lúa bị nhiễm ở 5 ngày sau sạ thì chiều cao cây giảm chỉ đạt 16,5% (bệnh vàng lùn) và 55,25 % (bệnh lùn xoắn lá), cây nhiễm ở 15 ngày sau sạ nhiễm thì tỷ lệ tương ứng là 37,03% và 65,2%, mức độ ảnh hưởng rất nhỏ khi nhiễm bệnh ở 40 ngày sau sạ với chiều cao cây đạt 82,27% (bệnh vàng lùn) và 95,17% (bệnh lùn xoắn lá) so với đối chứng, các chỉ tiêu khác như độ dài, rộng lá cũng tương tự.

- Mức độ mẫn cảm của cây lúa với bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá tới các chỉ tiêu về năng suất như tỷ lệ trở thoát, hạt lép, số

hạt trên bông cũng giảm dần theo tuổi cây lúa nhiễm bệnh, cây bị nhiễm bệnh vào thời điểm 5 ngày sau sạ 100 % cây (bệnh vàng lùn) và 56,7 % (bệnh lùn xoắn lá) có biểu hiện triệu chứng bệnh bị chết. Cây lúa bị nhiễm bệnh ở 15 ngày sau sạ có đến 68,8% (bệnh vàng lùn) và 56,7% (bệnh lùn xoắn lá) không trở thoát, tỷ lệ lép ở những cây trở thoát là 27,8% (bệnh vàng lùn) và 16,3% (bệnh lùn xoắn lá), cây lúa khá an toàn với bệnh khi bị nhiễm ở 40 ngày sau sạ với tỷ lệ trở thoát là 100%, số hạt trên bông và tỷ lệ lép xấp xỉ so với cây lúa khỏe.

Do vậy, cần thực hiện các biện pháp bảo vệ cây lúa từ khi sạ đến 40 ngày sau sạ, thông qua các biện pháp phòng trừ rầy nâu với vai trò là môi giới truyền bệnh, ở các giai đoạn sau 40 ngày sau sạ việc quản lý rầy nâu nên tiến hành các biện pháp quản lý theo hướng coi rầy nâu là đối tượng gây hại trực tiếp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục Bảo vệ thực vật, 2007. Báo cáo tổng kết công tác BVTV năm 2006, phương hướng nhiệm vụ năm 2007. Hội nghị toàn quốc tổng kết công tác BVTV năm 2006. Kế hoạch công tác 2007. Hà Nội, 4/2007. Trang 1-6.
2. Hà Minh Trung, 1982. Bệnh lúa lùn xoắn lá. NXB Nông nghiệp, Hà Nội. 96 tr.
3. Ngô Vĩnh Viễn, Nguyễn Như Cường, Nguyễn Trường Thành và CS., 2010. Kết quả nghiên cứu các giải pháp phòng trừ rầy nâu, bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá hại lúa tại đồng bằng sông Cửu Long 2007-2009. Kết quả nghiên cứu khoa học và Công nghệ 2006-2010. NXB Nông nghiệp Hà Nội. trang: 447-452.
4. K.C. Ling, 1972. Rice virus diseases. The International Rice Research Institute. Los Banos Laguna, Phillippines. 148 tr.
5. Paloma. M.K., and K.C. Ling, 1966. Yields losses due to rice grassy stunt infection. Phillippines Phytopathol. 4:14 (Abstr.)

Người phản biện:
PGS.TS. Nguyễn Văn Tuất

**KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU ĐÁNH GIÁ TÍNH KHÁNG RẦY LỪNG TRẮNG
Sogatella furcifera Horvath (Homoptera: Delphacidea)
ĐỐI VỚI CÁC GIỐNG LÚA ĐANG SẢN XUẤT TẠI MIỀN BẮC**

Đinh Văn Thành, Lại Tiến Dũng, Nguyễn Thị Dương,
Phan Thị Bích Thu, Khúc Duy Hà, Văn Bích Thuý

SUMMARY

**The evaluation on the reaction of rice varieties being produced in northern Vietnam with
WBPH *Sogatella furcifera* Horvath (Homoptera: Delphacidea)**

In 2009, RBSDV-2 (Rice Black Streaked Dwarf Virus-2) disease was outbreak on rice in almost provinces in northern Vietnam and WBPH is the vector to transmit this disease. With the changes of the ecological agricultural system (including variety use, cropping pattern and intensive farming-fertilizer and pesticide utilization), up to now the position and the role of WBPH has dominated compared to BPH in northern Vietnam. In order to manage WBPH and RBSDV-2 diseases effectively, it is necessary that of the evaluation all the varieties that are producing at present to select the suitable varieties and promising resistant lines for production and breeding in forthcoming years.

The results showed that of 129 varieties evaluated from IRRI origination 71 varieties reacted (55%) ranging from resistance to high resistance; 58 varieties from China (45%) reacted ranging from susceptible to high susceptible.

Keywords: BPH, WBPH, RBSDV-2 (Rice Black Streaked Dwarf Virus-2) diseases, rice

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tính đến năm 2008 miền Bắc nước ta có hai loại bệnh virus hại lúa đó là bệnh vàng lụi hay bệnh vàng lá di động do môi

giới truyền bệnh là rầy xanh đuôi đen. Bệnh lại mạ hay bệnh virus lúa cỏ lây lan do côn trùng môi giới là rầy nâu (Hà Minh Trung; Ngô Vĩnh Viễn; Phạm Thị Vượng, 2007). Năm 2009 đã ghi nhận thêm một loại bệnh virus hại lúa mới là bệnh virus lúa lùn sọc